TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:19/2021/DS-ST
Ngày: 29/12/ 2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Bà Đàm Thị Thơ

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa***:** Ông Lê Ngọc Thành - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐST ngày 01 tháng 12 năm 2021 và Quyết đinh hoãn phiên tòa số 23 ngày 20 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963

Cư trú tai: Thôn, huyện- T, tỉnh Thanh Hãa.

2. Bi đơn: Ông Nguyễn Tài D, sinh năm 1986

Bà Trịnh Thị – Sinh năm 1992

Đều cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:*

Bà Nguyễn Thị T, Sinh năm 1982

Ông Hoàng Văn T, Sinh năm 1980

Đều cư trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện TS, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người liên quan đều có đơn xin xử án vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/7/2021, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày và đề nghị: Ngày 30/7/2020, ông Nguyễn Tài D có viết giấy vay bà số tiền 300.000.000đồng, hai

bên thỏa thuận lãi xuất 1,5%/tháng, có vợ chồng ông Th, bà T ký làm chứng và bảo lãnh để cho bà T ông Th đảo sổ Ngân hàng, thời hạn vay đến ngày 28/8/2020, đến hẹn bà D đòi nhiều lần nhưng ông D và vợ chồng bà T vẫn chây ỳ không trả, nay bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D phải trả nợ gốc 300.000.000đ và lãi tính từ ngày 30/7/2020 đến ngày xét xử 29/12/2021 là 17 tháng x 1,5% x 300.000.000đ = 78.000.000đ, tổng cộng hai khoản là 378.000.000đ, nếu ông D không trả, đề nghị bà T và ông T phải có trách nhiệm trả tiền số tiền trên

Phía sau có nghi nội dung: "2/9 tôi đã thanh toán lãi cho gia đình chị D 2 tháng bằng 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) đến ngày 30/9/2020" là chữ do tôi Nguyễn Thị D viết và chị Tuyết ký phía dưới. Chị T chỉ hứa trả 6.000.000đ tiền lãi của khoản vay này thay cho ông D, nhưng thực tế chị T chưa đưa tiền nên tôi đã ngạch chéo nội dung này.

Ngày 14/10/2020 vợ chồng ông D, bà H ký giấy vay của bà số tiền gốc là 290.000.000đồng, thỏa thuận lãi xuất 1,5%/tháng, thời hạn vay 3 tháng, hạn trả cuối cùng ngày 14/01/2021, đến nhưng đến nay ông D bà H chưa trả đồng nào, nay bà yêu cầu ông D, bà H phải trả số số tiền gốc là 290.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 14/10/2020 đến ngày 29/12/2021 là 14 tháng 15 ngày x 1,5% x 290.000.000đ = 64.000.000đ, tổng cộng gốc và lãi yêu cầu trả là 354.000.000 đồng.

Còn việc vợ chồng ông D xin trả dần số nợ gốc cả hai khoản vay trong thời gian 5 năm từ năm 2022 đến năm 2026 và xin tiền lãi cả hai khoản vay, bà D không đồng ý, yêu cầu ông D bà H phải trả đủ nợ 1 lần cả gốc và lãi.

Đối với bị đơn: Tại Bản tự khai ngày 28/10/2021, Biên bản làm việc của Tòa án ngày 23/11/2021 tại UBND xã Đồng Tiến giữa bị đơn và nguyên đơn, Đơn xin xử án vắng 22/12/2021, bị đơn là ông Nguyễn Tài D, bà Trịnh Thị H thống nhất trình bày:

Về khoản nợ ngày 30/7/2020, do ông D trực tiếp ký vay của bà D số tiền 300.000.000đồng, khi vay có vợ chồng chị T anh Th ký làm chứng và bảo lãnh là đúng. Sau khi vay ông D đã cho vợ chồng anh Th và chị T vay lại để đảo sổ ngân hàng, đến nay vợ chồng anh Th và chị T đã trả lại đầy đủ cho ông D cả gốc và lãi số tiền 300.000.00đ, do điều kiện khó khăn ông D đã sử dụng số tiền 300.000.000đ vào việc cá nhân nên đến nay chưa trả cho bà D đồng nào là đúng. Nay bà D khởi kiện yêu cầu trả tiền gốc và lãi số tiền trên, ông D nhận trách nhiệm trả đầy đủ số tiền gốc 300.000.000đ và lãi cho bà D, khoản nợ này không liên quan đến bà H vợ ông và cũng không còn liên quan gì đến vợ chồng chị T.

Ngày 14/10/2020, vợ chồng ông trực tiếp ký vào giấy vay bà D số tiền 290.000.000đồng đến nay chưa trả được đồng nào tiền gốc và lãi là đúng, nay vợ chồng ông nhận trách nhiệm trả đủ cả gốc và lãi cho bà D.

Hiện nay do dịch bệnh Covid 19 phức tạp kéo dài, kinh tế rất khó khăn, vợ chồng ông D bà H đề nghị được trả dần nợ gốc cả hai khoản nợ là 590.000.000đ trong thời hạn 5 năm, cụ thể: Năm 2022 trả 100.000.000đ, năm 2023 trả 100.000.000đ; năm 2024 trả 100.000.000đ; năm 2025 trả số tiền 100.000.000đ

và năm 2026 trả 190.000.000đ, còn tiền lãi xin bà D miễn toàn bộ tiền lãi cả hai khoản nợ

Tại Bản tự khai ngày 22/12/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T và ông Hoàng Văn Th trình bày: Ngày 30/7/2020, vợ chồng ông có ký chứng kiến và bảo lãnh và giấy vay nợ ngày 30/7/2020 để chú D trực tiếp vay của bà D số tiền gốc 300.000.000đ, với lãi xuất 1,5%/tháng là đúng, sau khi chú D vay được tiền của bà D đã cho vợ chồng vay lại để đảo số ngân hàng, nhưng sau đó một thời gian vợ chồng đã trả lại đầy đủ cả gốc và lãi cho ông D, việc ông D đến nay chưa trả cho bà D là trách nhiệm của ông D, ông D cũng đã có lời khai thừa nhận vợ chồng bà đã trả đủ gốc và lãi số tiền 300.000.000đ và nhận trách nhiệm trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho bà D, nay bà D yêu cầu vợ chồng phải có trách nhiệm là không đúng, vì vợ chồng bà không trực tiếp vay tiền của bà D. Các khoản nợ khác giữa bà D vợ chồng ông D bà không biết, không liên quan nên không có ý kiến gì.

Về nội dung trả nợ lãi 2 tháng bằng 6 triệu bà D ghi phía sau giấy nợ của ông Duy ngày 30/7/2020 có chữ ký của tôi Nguyễn Thị T, thống nhất như ýiến bà D vì thực tế ghi nhưng chưa có tiền trả cho bà D là đúng.

Hiện nay do dịch bệnh kéo dài vợ chồng ông D bà H làm ăn khó khăn đề nghị bà D cho vợ chồng ông D bà H được trả dần nợ gốc cả hai khoản nợ trong thời hạn 5 năm và xem xét miễn giảm toàn bộ tiền lãi cho vợ chồng ông D.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

*> Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán,Thư ký, Hội đồng xét xử trong qúa trình giải quyết vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Thẩm phán: Xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng tư cách người tham gia tố tụng, tiến hành các hoạt động tố tụng như ra thông báo thụ lý, hòa giải, tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ,tống đạt, giao hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu và hoãn phiên tòa đúng trình tự tố tụng dân sự.

- HĐXX: Đúng thành phần, thời gian, địa điểm ghi trong quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, xét hỏi rõ ràng, đúng trọng tâm, dành nhiều thời gian cho đương sự trình bày ý kiến.

*> Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ, bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án gây khó khăn, kéo dài thời gian gian quyết vụ án.

*> Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463, 466, 470 BLDS chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Nguyễn Tài D trả cho bà D số tiền: 300.000.000đ và lãi. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tài D và bà Trịnh Thị H trả cho bà D số tiền: 290.000.000đ và lãi.

Về án phí: Trả lại án phí cho nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả số tiền đã vay trong giấy vay tiền, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn cư trú tại xã Đồng Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ Điều 26, 35,39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Dần

[2.1] Xét hợp đồng vay tiền ngày 30/7/2020: Nội dung Giấy vay tiền đề ngày 30/7/2020 thể hiện bà D cho ông D vay 300.000.000đồng, lãi xuất 1,5%/tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 28/8/2020. Các bên đều trình bày thống nhất ông D vay số tiền 300.000.000đồng để cho vợ chồng chị T vay lại và thừa nhận chữ ký trong giấy vay là do mình ký. Xét hình thức và nội dung của giấy vay tiền đều phù hợp với quy định của pháp luật và được ký kết trên cơ sở tự nguyện nên phát sinh hiệu lực phát luật. Đến nay bên vay ông D chưa trả tiền gốc và lãi đồng nào nên phải có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền đã vay và tiền lãi theo thỏa thuận là có căn cứ, buộc ông D phải trả lại cho bà D số tiền gốc là 300.000.000đồng.

Về yêu cầu trả lãi: bà D yêu cầu ông D trả lãi theo thỏa thuận cụ thể lãi xuất thỏa thuận là 1,5%/ tháng x 300.000.000đ, tính từ ngày vay, ngày 30/7/2020 đến ngày xét xử (Ngày 29/12/2021) là 16 tháng 29 ngày x 1,5% x 300.000.000đ = 76.350.000đ, đây là hợp đồng vay có lãi xuất và thời hạn vay, mức lãi xuất các bên thỏa thuận không trái pháp luật nên được chấp nhận. Tổng cộng gốc và lãi ông D phải trả là 376.350.000đồng.

[2.2] Xét hợp đồng vay tiền ngày 14/10/2020: Nội dung Giấy vay tiền đề ngày 14/10/2020 thể hiện bà D cho vợ chồng ông D và bà H vay số tiền 290.000.000đồng, thỏa thuận lãi xuất 1,5%/tháng, thời hạn trả ngày 14/01/2021. Đến nay chưa trả tiền gốc và tiền lai, Do Giấy vay tiền đề ngày 14/10/2020 có chữ ký của bên vay là ông Nguyễn Tài D và bà Trịnh Thị H. Do đó, xác định ông D và bà H phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền đã vay của bà D. Vì vậy, bà D yêu cầu ông D và bà H trả số tiền gốc 290.000.000đ và tiền lãi là có căn cứ buộc vợ chồng ông D bà H phải trả cho bà D số tiền gốc là 290.000.000đ.

Về yêu cầu trả lãi: Bà D yêu cầu vợ chồng ông D bà H trả lãi theo thỏa thuận cụ thể lãi xuất thỏa thuận là 1,5%/ tháng x 290.000.000đ, tính từ ngày vay, ngày 14/10/2020 đến ngày xét xử (Ngày 29/12/2021) là 14 tháng 15 ngày x 1,5% x 290.000.000đ = 63.075.000đ, đây là hợp đồng vay có lãi xuất và thời hạn vay, mức lãi xuất các bên thỏa thuận không trái pháp luật nên được chấp nhận, Tổng cộng cả gốc và lãi ông D bà H phải trả cho bà D tính đến ngày xét xử là 353.075.000đ.

Đối với yêu cầu của bị đơn xin được trả tiền gốc cả hai khoản nợ trong thời hạn 5 năm và xin miễn giảm toàn bộ số tiền lãi cả hai khoản nợ.

Xét đề nghị của bị đơn xin được trả dần tiền gốc trong thời hạn 5 năm và xin toàn bộ tiền lãi, tại phiên tòa bà D không đồng ý cho bị đơn trả nhiều lần và không đồng ý miễn giảm lãi cho bị đơn nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên hoàn trả lại số tiền17.075.000đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng tại biên lai số AA/2021/ 0006243 ngày 29/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Bị đơn ông Nguyễn Tài D phải chịu án phí sơ thẩm đối với khoản nợ 376.350.000đồng và bị đơn ông Nguyễn Tài D bà Trịnh Thị H phải chịu án phí sơ thẩm đối với khoản nợ 353.075.000đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, khoản 2 Điều 227, các Điều 271, 273, 278, 280 BLTTDS; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Tài D phải trả số tiền gốc là 300.000.000đ và tiền lãi là 76.350.000, cộng hai khoản là: 376.350.000đ (Ba trăm bảy sáu triệu,ba trăm năm mươi nghìn đồng) cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Tài D và bà Trịnh Thị H phải trả khoản nợ gốc là 290.000.000đ và nợ lãi là 63.075.000 đồng, cộng hai khoản là: 353.075.000đ *(Ba trăm năm mươi ba triệu, không trăm bảy lăm nghìn đồng)*cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

2.Về án phí:

- Trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trả số tiền tạm ứng đã nộp là 17.075.000đ tại biên lai số AA/2021/0006243 ngày 29/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

- Bị đơn ông Nguyễn Tài D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 376.350.000đ là 18.817.500đ (Mười tám triệu,tám trăm mười bảy nghìn, năm trăm đồng)

- Bị đơn ông Nguyễn Tài D, bà Trịnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số nợ là 353.075.000đ là 17.653.750đ (mười bảy triệu, sáu trăm năm ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng)

Tổng án phí các bị đơn phải nộp là 36.471.250đồng, cụ thể phần ông Duy phải nộp là 27.644.375đồng; phần bà Hà phải nộp là: 8.826.875đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, các bị đơn phải trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi trả xong nợ gốc.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết, Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị án sơ thẩm theo quy định của pháp luật Tối tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ VA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đình Hợp